TỔ: TOÁN – TIN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I. MÔN: TOÁN 6 - NĂM HỌC 2026-2027

Thời gian làm bài: 90 phút

STT	Tên chủ đề / Chương	Nội dung / Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá					Câu/ Tỉ lệ %
			NB		TH TL	VD TL	VDC TL	
			TNKQ	TL				
1	Chương I. Tập hợp các số tự nhiên	Tập hợp, Phần tử của tập hợp. Cách ghi số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp N	2 câu (0,5đ)					2 câu 5%
		Phép cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên. Lũy thừa. Thứ tự thực hiện phép tính	1 câu (0,25đ)	2 câu (2 đ)	3 câu (3 đ)		1 câu (0,5 đ)	7 câu 57,5%
Số câu			***3 câu***	***2 câu***	***3 câu***		***1 câu***	***9 câu***
Số điểm			***0,75đ***	***2 đ***	***3 đ***		***0,5 đ***	***62,5%***
2	Chương II. Tính chia hết trong N	Quan hệ chia hết, Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9. Số nguyên tố, Ước và Bội	3 câu (0,75đ)					3 câu 7,5%
		Ước chung, ƯCLN. Bội chung, BCNN				1 câu (1,0đ)		1 câu 10%
Số câu			***3 câu***			***1 câu***		***4 câu***
Số điểm			***0,75đ***			***1đ***		***17,5%***
3	Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	2 câu (0,5đ)					2 câu 5%
		Chu vi và diện tích một số hình phẳng trong thực tiễn.				1 câu (1,0đ)	1 câu (0,5đ)	2 câu 15%
Số câu			***2 câu***			***1 câu***	***1 câu***	***4 câu***
Số điểm			***0,5 đ***			***1 đ***	***0,5 đ***	***20%***
Tổng số câu			**8 câu**	**2 câu**	**3 câu**	**2 câu**	**2 câu**	**17 câu**
Tổng số điểm			**2,0đ**	**2,0đ**	**3,0đ**	**2,0đ**	**1,0đ**	**10,0đ**
Tỉ lệ %			**40%**		**30%**	**20%**	**10%**	**100%**

thuvientoanhoc.com

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I. MÔN: TOÁN 6 - NĂM HỌC 2026-2027

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vd Cao	
1	Chương I. Tập hợp các số tự nhiên	Tập hợp, Cách ghi số tự nhiên	Nhận biết: - Nhận biết cách ghi số tự nhiên, số La Mã. (Câu 1) - Nhận biết được tập hợp, phần tử thuộc/không thuộc tập hợp. (Câu 2)	2 TNKQ (Câu 1, 2)				2
		Phép tính số tự nhiên, Lũy thừa, Thứ tự thực hiện phép tính	Nhận biết: - Nhận biết phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên (Câu 3) (Bài 1a, b). Thông hiểu: - Thực hiện tính hợp lý bằng cách áp dụng tính chất phép tính, thứ tự thực hiện phép tính (Bài 2a). - Tính hợp lý với bài toán thực tế (Áp dụng các phép toán Cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên giải quyết các bài toán thực tế đơn giản).(Bài 3a,b) Vận dụng cao: - Tính hợp lý với bài toán thực tế có suy luận (Bài 2b)	1 TNKQ (Câu 3) 2 TL (Bài 1a,b)	3 TL (Bài 2a; 3a,b)		1 TL (Bài 2b)	7
2	Chương II. Tính chia hết trong N	Dấu hiệu chia hết, Số nguyên tố	Nhận biết: - Nhận biết dấu hiệu chia hết cho 2, 3. 5, 9 (Câu 4). - Nhận biết dấu hiệu chia hết của 1 tổng, hiệu (Câu 5) - Nhận biết được số nguyên tố, hợp số (Câu 6).	3 TNKQ (Câu 4,5, 6)				3
		ƯCLN và BCNN	Vận dụng: - Vận dụng kiến thức BCNN/ƯCLN giải bài toán thực tế (Bài 4).			1 TL (Bài 4)		1
3	Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn	Các hình phẳng cơ bản	Nhận biết: - Nhận biết các yếu tố cơ bản, tính chất về cạnh, góc, đường chéo của hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi... (Câu 7, 8).	2 TNKQ (Câu 7, 8)				2
		Chu vi, diện tích hình phẳng	Vận dụng - Tính chu vi, diện tích hình chữ nhật theo công thức trực tiếp (Bài 5a). Vận dụng cao: - Tính diện tích phần đất trồng hoa sau khi trừ đi lối đi xung quanh (Bài 5b).			1 TL (Bài 5a)	1 TL (Bài 5b).	2
Tổng				**8 TN – 2 TL**	**3TL**	**2 TL**	**2 TL**	**17**
Tổng số điểm				**4 đ**	**3đ**	**2đ**	**1đ**	**10đ**
Tỉ lệ %				**40%**	**30%**	**20%**	**10%**	**100%**

Duyệt của tổ chuyên môn

Tổ phó

Phạm Bá Lịch

Hồ Tràm, ngày 05 tháng 10 năm 2026

Nhóm trưởng

Nguyễn Thanh Huấn

thuvientoanhoc.com

TRƯỜNG THCS PHƯỚC BỬU **TỔ TOÁN - TIN** **Đề 1**	**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I** **MÔN TOÁN LỚP 6** **NĂM HỌC 2026 – 2027**
Đề gồm 02 trang	*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể giao đề)* *Kiểm tra, ngày ... tháng 10 năm 2026*

Họ và tên HS: …… Lớp: 6……

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm). *Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:*

Câu 1. Cho tập hợp E = {x ∈ N | 3 < x ≤ 7}. Viết tập hợp E bằng cách liệt kê các phần tử:

A. E = {3; 4; 5; 6; 7} B. E = {4; 5; 6; 7} C. E = {3; 4; 5; 6} D. E = {4; 5; 6}

Câu 2. Cho tập hợp B = {2; 3; 5; 7}. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. 4 ∈ B B. 5 ∉ B C. 3 ∈ B D. 7 ∉ B

Câu 3. Kết quả của phép tính $5^3 \cdot 5^4$ được viết dưới dạng một lũy thừa là:

A. 5^{12} B. 5^7 C. 25^7 D. 5^1

Câu 4. Trong các số sau: 124, 235, 340, 507, số chia hết cho cả 2 và 5 là:

A. 124 B. 235 C. 340 D. 507

Câu 5. Tổng nào sau đây chia hết cho 6?

A. 12 + 18 + 24 B. 12 + 18 + 25 C. 12 + 19 + 24 D. 13 + 18 + 24

Câu 6. Trong các số 9; 15; 17; 21, số nguyên tố là:

A. 9 B. 15 C. 17 D. 21

Câu 7. Hình nào sau đây có 4 cạnh bằng nhau và 4 góc bằng nhau?

A. Hình chữ nhật B. Hình vuông C. Hình thoi D. Hình bình hành

Câu 8. Cho hình chữ nhật ABCD. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. AB = BC B. AB = CD C. AC = AD D. AB = BD

II. Tự luận (8,0 điểm). *Trình bày bài giải vào phần Bài làm*

Bài 1 (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (viết kết quả dưới dạng một lũy thừa):

a) $3^4 \cdot 3^3$ b) $7^8 : 7^5$

Bài 2 (1,5 điểm). a) Thực hiện phép tính: $45 + 12 \cdot 5 - 30$

b) Nhà ga thứ 1 và nhà ga thứ 2 của sân bay Tân Sơn Nhất có thể tiếp nhận tương ứng khoảng 6 526 000 và 3 541 000 lượt hành khách mỗi năm. Nhờ đưa vào sử dụng nhà ga số 3 mà mỗi năm sân bay này có thể tiếp nhận được khoảng 22 851 000 lượt hành khách. Hãy tính số lượt hành khách mà nhà ga số 3 có thể tiếp nhận mỗi năm.

thuvientoanhoc.com

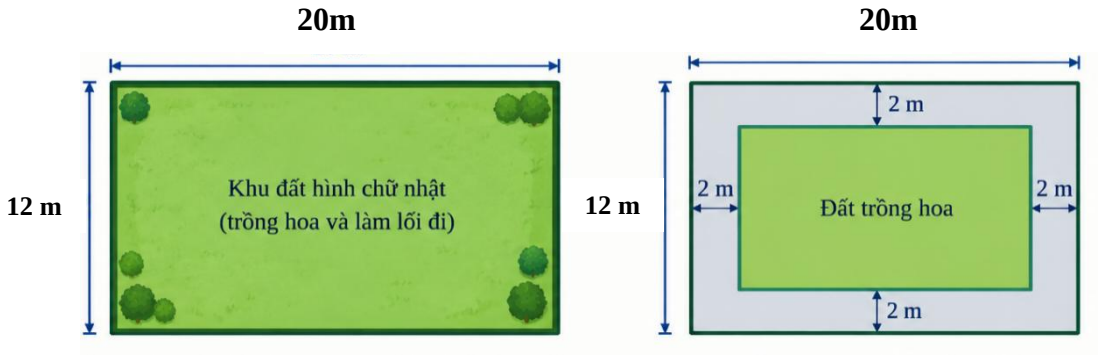
Bài 3 (2,0 điểm). Mẹ cho bạn An 150 nghìn đồng đi nhà sách. An mua 5 quyển vở với giá 12 nghìn đồng 1 quyển và 4 cây bút chì với giá 9 nghìn đồng 1 cây bút chì.

a) Tính tổng số tiền An đã mua vở và bút.

b) An dùng số tiền còn thừa (còn lại) mua các nhãn vở giá 9 nghìn đồng 1 nhãn vở. Hỏi An mua được nhiều nhất bao nhiêu nhãn vở và còn thừa bao nhiêu tiền?

Bài 4 (1,0 điểm). Đội thanh niên tình nguyện của trường THCS Phước Bửu có 36 nam và 30 nữ. Thầy tổng phụ trách muốn chia đội thành các nhóm sao cho số nam và số nữ ở mỗi nhóm đều bằng nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu nhóm? Khi đó, mỗi nhóm có bao nhiêu nam và bao nhiêu nữ?

Bài 5 (1,5 điểm). Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 20 m, chiều rộng 12 m. Người ta dành khu đất này để trồng hoa và làm một lối đi rộng 2 m xung quanh phía bên trong khu đất.



a) Tính diện tích khu đất hình chữ nhật.

a) Tính diện tích phần đất còn lại để trồng hoa sau khi làm lối đi rộng 2 m xung quanh phía bên trong khu đất.

----------HẾT----------

Bài làm (Phần tự luận)

……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

thuvientoanhoc.com

TRƯỜNG THCS PHƯỚC BỬU
TỔ TOÁN - TIN

Đề 1

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN LỚP 6
NĂM HỌC 2026 – 2027

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm). Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	C	A	C	B	B

II. Tự luận (8,0 điểm).

Bài	Hướng dẫn chấm chi tiết	Điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a) $3^4 \cdot 3^3 = 3^{4+3} = 3^7$ b) $7^8 : 7^5 = 7^{8-5} = 7^3$	1,0 đ 1,0 đ
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $45 + 12 \cdot 5 - 30 = 45 + 60 - 30$ $= 105 - 30 = 75$	0,5 đ 0,5 đ
	b) Mỗi năm nhà ga số 1 và số 2 tiếp nhận được số lượt hành khách là: 6 526 000 + 3 541 000 = 10 067 000 (lượt hành khách) Mỗi năm nhà ga số 3 tiếp nhận được số lượt hành khách là: 22 851 000 − 10 067 000 = 12 784 000 (lượt hành khách) Vậy số lượt hành khách mà nhà ga số 3 có thể tiếp nhận mỗi năm là 12 784 000.	0,25 đ 0,25 đ
Bài 3 (2,0 điểm)	a) Số tiền mua 5 quyển vở là: 5 . 12 = 60 (nghìn đồng) Số tiền mua 3 chiếc bút chì là: 4. 9 = 36 (nghìn đồng) Tổng số tiền An phải trả là: 60 + 36 = 96 (nghìn đồng)	0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ
	b) Số tiền An còn thừa: 150 – 96 = 54 (nghìn đồng). Ta có: 54 : 9 = 6 (nhãn vở) không thừa tiền. Vậy An mua được nhiều nhất 6 nhãn vở và không còn thừa tiền.	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ
Bài 4 (1,0 điểm)	Gọi x là số nhóm nhiều nhất có thể chia được (x ∈ N*). Theo bài ra ta có x = ƯCLN(30, 36). Phân tích ra thừa số nguyên tố: 30 = 2 . 3 . 5 ; 36 = 2^2 . 3^2 ⇒ x = ƯCLN(30, 36) = 2 . 3 = 6. Vậy có thể chia được nhiều nhất thành 6 nhóm. Khi đó, mỗi nhóm có: Số nam: 36 : 6 = 6 (nam) Số nữ: 30 : 6 = 5 (nữ)	 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Bài 5 (1,5 điểm)	a) Diện tích khu đất hình chữ nhật là: S = 20 . 12 = 240 (m^2)	1,0 đ
	b) Chiều dài phần đất trồng hoa là: 20 – 2 × 2 = 16 (m) Chiều rộng phần đất trồng hoa là: 12 – 2 × 2 = 8 (m) Diện tích phần đất trồng hoa là: 16 × 8 = 128 (m^2)	 0,25 đ 0,25 đ

Chú ý: Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điêm tối đa.

——— Hết ———

thuvientoanhoc.com

TRƯỜNG THCS PHƯỚC BỬU
TỔ TOÁN - TIN
Đề 2

Đề gồm 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN LỚP 6
NĂM HỌC 2026 – 2027
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể giao đề)
Kiểm tra, ngày ... tháng 10 năm 2026

Họ và tên HS: ……. Lớp: 6……

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm). *Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:*

Câu 1. Cho tập hợp M = {x ∈ N | 5 ≤ x < 10}. Viết tập hợp M bằng cách liệt kê các phần tử:

A. M = {5; 6; 7; 8; 9; 10} B. M = {6; 7; 8; 9; 10} C. M = {5; 6; 7; 8; 9} D. M = {6; 7; 8; 9}

Câu 2. Cho tập hợp K = {11; 13; 17; 19}. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. 15 ∈ K B. 13 ∈ K C. 17 ∉ K D. 19 ∉ K

Câu 3. Kết quả của phép tính $4^2 \cdot 4^5$ được viết dưới dạng một lũy thừa là:

A. 4^7 B. 4^{10} C. 16^7 D. 4^3

Câu 4. Trong các số sau: 215, 320, 422, 513, số chia hết cho cả 2 và 5 là:

A. 215 B. 320 C. 422 D. 513

Câu 5. Hiệu nào sau đây chia hết cho 5?

A. 100 – 44 B. 100 – 43 C. 105 – 41 D. 110 – 45

Câu 6. Trong các số 11; 12; 14; 15, số nguyên tố là:

A. 11 B. 12 C. 14 D. 15

Câu 7. Hình nào sau đây có 4 cạnh bằng nhau và 4 góc bằng nhau?

A. Hình chữ nhật B. Hình thang cân C. Hình thoi D. Hình vuông

Câu 8. Cho hình chữ nhật MNPQ. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. MN = PQ B. MP = NP C. MN = NP D. NP = PQ

II. Tự luận (8,0 điểm). *Trình bày bài giải vào phần Bài làm*

Bài 1 (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (viết kết quả dưới dạng một lũy thừa):

a) $5^6 \cdot 5^2$ b) $2^{10} : 2^6$

Bài 2 (1,5 điểm).

a)Thực hiện phép tính: 78 + 25 · 4 – 50

b) Theo dự kiến nhà ga thứ 1 và nhà ga thứ 2 của sân bay Long Thành (Đồng Nai) có thể tiếp nhận tương ứng khoảng 5 526 000 và 5 541 000 lượt hành khách mỗi năm. Nếu đưa vào sử

thuvientoanhoc.com

dụng nhà ga số 3 thì mỗi năm sân bay này có thể tiếp nhận được khoảng 22 851 000 lượt hành khách. Hãy tính số lượt hành khách mà nhà ga số 3 có thể tiếp nhận mỗi năm.

Bài 3 (2,0 điểm). Mẹ cho bạn Minh 150 nghìn đồng đi nhà sách. Minh mua 4 quyển vở với giá 15 nghìn đồng 1 quyển và 3 cây bút chì với giá 12 nghìn đồng 1 cây bút chì.

a) Tính tổng số tiền Minh đã mua vở và bút chì.

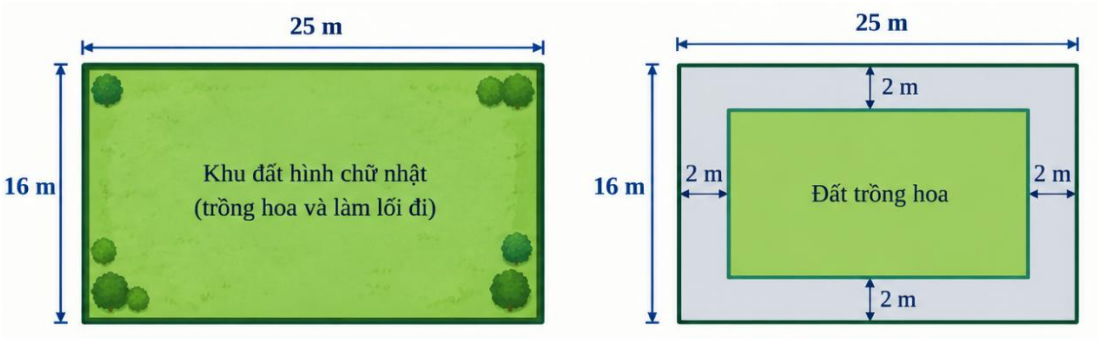
b) Minh dùng số tiền còn thừa (còn lại) mua các nhãn vở giá 6 nghìn đồng 1 nhãn vở. Hỏi Minh mua được nhiều nhất bao nhiêu nhãn vở và còn thừa bao nhiêu tiền?

Bài 4 (1,0 điểm). Bác Hùng muốn chia 36 quả cam và 42 quả táo vào các đĩa sao cho số cam và số táo ở mỗi đĩa đều bằng nhau. Hỏi bác Hùng có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu đĩa? Khi đó, mỗi đĩa có bao nhiêu quả cam và bao nhiêu quả táo?

Bài 5 (1,5 điểm). Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 16 m. Người ta dành một phần đất để trồng hoa và làm lối đi rộng 2 m xung quanh phía bên trong mảnh đất.

a) Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật.

b) Tính diện tích phần đất còn lại để trồng hoa sau khi làm lối đi rộng 2 m xung quanh phía bên trong mảnh đất.



----------HẾT----------

Bài làm (Phần tự luận)

……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

thuvientoanhoc.com

TRƯỜNG THCS PHƯỚC BỬU
TỔ TOÁN - TIN

Đề 2

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN LỚP 6
NĂM HỌC 2026 – 2027

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm). Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	A	B	D	A	D	A

II. Tự luận (8,0 điểm).

Bài	Hướng dẫn chấm / Đáp án	Điểm
Bài 1 (2,0 đ)	a) $5^6 \cdot 5^2 = 5^{6+2} = 5^8$	1,0 đ
	b) $2^{10} : 2^6 = 2^{10-6} = 2^4$	1,0 đ
Bài 2 (1,5 đ)	a) $78 + 25 \cdot 4 - 50 = 78 + 100 - 50$ $= 178 - 50 = 128.$	0,5 đ 0,5 đ
	b) Mỗi năm nhà ga số 1 và số 2 tiếp nhận được số lượt hành khách là: 5 526 000 + 5 541 000 = 11 067 000 (lượt hành khách) Mỗi năm nhà ga số 3 tiếp nhận được số lượt hành khách là: 22 851 000 − 11 067 000 = 11 784 000 (lượt hành khách) Vậy số lượt hành khách mà nhà ga số 3 có thể tiếp nhận mỗi năm là 11 784 000.	0,25 đ 0,25 đ
Bài 3 (2,0 đ)	a) Số tiền mua 4 quyển vở: $4 \cdot 15 = 60$ (nghìn đồng). Số tiền mua 3 cây bút chì: $3 \cdot 12 = 36$ (nghìn đồng). Tổng số tiền Minh đã mua: $60 + 36 = 96$ (nghìn đồng).	0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ
	b) Số tiền Minh còn thừa: $150 - 96 = 54$ (nghìn đồng). Ta có: $54 : 6 = 9$ (nhãn vở) không thừa tiền. Vậy Minh mua được nhiều nhất 9 nhãn vở và không còn thừa tiền.	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ
Bài 4 (1,0 đ)	Gọi x là số đĩa nhiều nhất có thể chia ($x \in N^*$). Theo bài ra, x = ƯCLN(36, 42). Phân tích ra thừa số nguyên tố: $36 = 2^2 \cdot 3^2$; $42 = 2 \cdot 3 \cdot 7$. Suy ra x = ƯCLN(36, 42) = $2 \cdot 3 = 6$ (đĩa). Vậy chia được nhiều nhất 6 đĩa. Khi đó mỗi đĩa có: 36 : 6 = 6 (quả cam) và 42 : 6 = 7 (quả táo).	 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Bài 5 (1,5 đ)	a) Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là: $25 . 16 = 400$ (m^2).	1,0 đ
	b) Chiều dài phần đất trồng hoa là: $25 - 2 \times 2 = 21$ (m) Chiều rộng phần đất trồng hoa là: $16 - 2 \times 2 = 12$ (m) Diện tích phần đất trồng hoa là: $21 \times 12 = 252$ (m^2)	 0,25 đ 0,25 đ

Chú ý: Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điêm tối đa.

——— Hết ———

thuvientoanhoc.com